TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/LĐ-PT
Ngày: 31-7-2023
V/v tranh chấp về trợ cấp thôi việc, về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thuý

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cảnh

Bà Trịnh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Cẩm Khanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2023/TLPT-LĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về việc "tranh chấp về trợ cấp thôi việc, về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp".

Do Bản án lao động sơ thẩm số 02/2023/LĐ-ST ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐPT-LĐ ngày 19/6/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954

Địa chỉ cư trú: Số 184, đường L, khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Quỹ tín dụng nhân dân T

Địa chỉ trụ sở: Số 01 Công trường P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Công K - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Số 01 Công trường P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 19/5/2022 và trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông làm việc tại Quỹ tín dụng nhân dân T từ năm 1998 theo hợp đồng lao động ký kết ngày 01/01/1998, thời hạn hợp đồng lao động là 12 tháng. Từ tháng 4 năm 1998 đến tháng 01 năm 2001 ông giữ vị trí Kiểm soát trực trong Ban kiểm soát của Quỹ tín dụng. Từ tháng 01 năm 2001 đến tháng 3 năm 2007, ông là thành viên của Hội đồng quản trị, sau đó ông giữ vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị của Quỹ tín dụng, đến tháng 3 năm 2022 thì ông và Quỹ tín dụng thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động. Trong thời gian công tác tại Quỹ tín dụng nhân dân T thì ông không có tham gia bảo hiểm xã hội do đã đăng ký tham gia bảo hiểm tại đơn vị khác và đến ngày 01 tháng 12 năm 2014 ông nghỉ hưu và nhận lương hưu.

Hợp đồng lao động giữa ông ký kết với Quỹ tín dụng nhân dân T ngày 01/01/1998 đã hết hạn nhưng sau đó Quỹ tín dụng vẫn thuê ông làm việc nên vẫn xác định giữa ông và Quỹ tín dụng có quan hệ lao động theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019. Mặc dù, ông đã hưởng lương hưu vào năm 2014 nhưng theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Lao động năm 2019 thì trong trường hợp này Quỹ tín dụng nhân dân T vẫn phải chi trả cho ông tiền trợ cấp thôi việc, phải trả thêm tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp vì tiền lương mà Quỹ tín dụng trả cho ông hàng tháng chưa bao gồm tiền đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp cho ông.

Ông trình bày theo quy định tại Điều 46, Điều 149, Điều 168 Bộ luật Lao động năm 2019 và Nghị định số 145 của Chính phủ thì Quỹ tín dụng nhân dân T phải có trách nhiệm chi trả cho ông trợ cấp thôi việc và trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Quỹ tín dụng nhân dân T phải chi trả tiền trợ cấp thôi việc 18 năm (từ năm 1998 đến năm 2022) với số tiền là 162.000.000đồng (18 năm x 9.000.000đồng/năm).

Đồng thời ông yêu cầu Quỹ tín dụng nhân dân T trả thêm cho ông tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ năm 2013 đến năm 2021 tổng cộng số tiền là 273.785.820 đồng. Ngoài ra, ông không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bị đơn Quỹ tín dụng nhân dân T do ông Nguyễn Công K đại diện theo pháp luật trình bày:

Ông Nguyễn Văn T làm việc tại Quỹ tín dụng nhân dân T từ năm 1998 theo hợp đồng lao động ký kết ngày 01/01/1998, thời hạn hợp đồng lao động là 12 tháng, đến năm 1999 thì hợp đồng lao động giữa ông T với Quỹ tín dụng nhân dân T đã hết hiệu lực. Từ năm 1999 đến tháng 3 năm 2022 thì ông T làm việc ở Quỹ tín dụng theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị, tiền lương Quỹ tín dụng chi trả cho ông T là tiền lương khoán và trong lương mỗi tháng đã bao gồm luôn tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Đồng thời cùng thời gian đó ông T công tác tại Hợp tác xã T, huyện C, tỉnh Long An, đã được Hợp tác xã T

đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội, có mã bảo hiểm nên các chế độ của ông T theo quy định của Điều 168 Bộ luật Lao động năm 2019 do Hợp tác xã T chi trả. Đến năm 2014 ông T đã nghỉ hưu và nhận lương hưu. Căn cứ Điều 46, Điều 149 và Điều 168 Bộ luật Lao động năm 2019 và Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 thì Quỹ tín dụng không đồng ý chi trả trợ cấp thôi việc, chi trả thêm một khoản tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp cho ông T.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 02/2023/LĐ-ST ngày 31-3-2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã xử:

"*Căn cứ khoản 9 Điều 123 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 4; khoản 3 Điều 168 của Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 8 của Nghị định 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; Điều 43 Luật Việc làm năm 2013; khoản 1 Điều 42 Quyết định số 595 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam;*

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu bị đơn Quỹ tín dụng nhân dân T chi trả trợ cấp thôi việc với số tiền là 162.000.000đồng và chi trả thêm cùng lúc với kỳ trả lương một khoản tiền tương đương với mức người sử dụng lao động đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động với số tiền là 273.385.820đồng.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Miễn án phí cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 31/3/2023, nguyên đơn nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông T và xác định số tiền lương hàng tháng trả cho ông T là tiền lương khoán, trong đó đã bao gồm các khoản tiền theo khoản 3 Điều 168 Bộ luật Lao động. Theo yêu cầu của Tòa án, Quỹ tín dụng nhân dân T cung cấp toàn bộ bảng lương chi tiết hàng tháng của cán bộ công nhân viên Quỹ tín dụng từ tháng 01/2013 đến tháng 12/2022 và báo cáo tổng kết hoạt động cụ thể từng năm của Quỹ tín dụng nhân dân T từ năm 2013 đến năm 2022. Trong đó đã thể hiện từng tháng ông T nhận đủ lương và không bị trừ bất kì khoản tiền nào. Do đó, Quỹ tín dụng nhân dân T không có nghĩa vụ gì thêm đối với ông T nên không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông Nguyễn Văn T đã đủ điều kiện hưởng lương hưu vào năm 2014, đã được giải quyết chế độ hưu trí theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội nên không thuộc trường hợp được hưởng trợ cấp thôi việc theo Điều 46 Bộ luật Lao động năm 2019. Đồng thời, việc ông T đã đủ điều kiện hưởng lương hưu thì ông T cũng không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định khoản 9 Điều 123 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 nên việc đơn vị sử dụng lao động trong vụ án này là Quỹ tín dụng nhân dân T xác định đã chi trả các số tiền mà ông T được hưởng vào kỳ lương hàng tháng nên sau khi ông T nghỉ việc thì Quỹ tín dụng nhân dân T không phải chi trả trợ cấp thôi việc và các khoản khác nên yêu cầu khởi kiện của ông T là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn không đồng ý toàn bộ bản án lao động sơ thẩm:

[2] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu Quỹ tín dụng nhân dân T trả tiền trợ cấp thôi việc 18 năm (từ năm 1998 đến năm 2022) với số tiền là 162.000.000 đồng, thấy rằng: Từ tháng 9/1996 đến tháng 6/2000 ông T là nhân viên bán hàng Công ty trách nhiệm hữu hạn Ngọc Báo, mức lương đóng BHXH, BHTN là 500.000 đồng/tháng. Ngày 01/01/1998, ông T ký hợp đồng lao động với Quỹ tín dụng nhân dân T với mức lương hàng tháng 300.000 đồng. Như vậy, cùng một thời gian ông T làm việc cho hai đơn vị khác nhau. Hồ sơ vụ án thể hiện, từ năm 1999 đến tháng 11/2014, ông T và các đơn vị mà ông T làm việc đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 85 Luật BHXH năm 2014, khoản 2 Điều 13 Văn bản hợp nhất Luật Bảo hiểm y tế số 01/VBHN-VPQH ngày 10/7/2014, khoản 1 Điều 43 Luật Việc làm năm 2013, khoản 2 Điều 43 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 (bút lục số 100 đến 102). Từ tháng 12 năm 2014, ông T được giải quyết chế độ hưu trí theo quy định Luật Bảo hiểm xã hội, nên không thuộc trường hợp được hưởng trợ cấp thôi việc theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Việc làm 2013, Điều 46 Bộ luật Lao động năm 2019 và điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ. Do đó, việc ông T yêu cầu Quỹ tín dụng nhân dân T trả tiền trợ cấp thôi việc là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu Quỹ tín dụng nhân dân T chi trả số tiền là 273.785.820 đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 168 Bộ luật Lao động, khoảng thời gian từ năm 2013 đến năm 2021, thấy rằng:

[3.1] Căn cứ vào các báo cáo tổng kết hoạt động và phương hướng kế hoạch từng năm của Quỹ tín dụng nhân dân T cung cấp, thì tiền lương thực nhận của ông T và các thành viên khác mỗi năm đều được xây dựng và có kế hoạch chi trả cụ thể hàng năm và được báo cáo trong kỳ tổng kết, ông T trình bày không nhận số tiền này là vì muốn nhận một lần khi nghỉ hưu là không phù hợp vì Quỹ tín dụng nhân dân T không thể báo cáo quyết toán trong năm tài chính.

[3.2] Căn cứ vào các bảng lương từ năm 2013 đến năm 2022 mà bị đơn cung cấp cho thấy, hàng tháng tất cả các nhân viên còn lại của Quỹ tín dụng đều phải trích % lương để đóng bảo hiểm xã hội, riêng ông T không phải trích tiền lương để đóng bảo hiểm và trong các bảng lương cũng không thể hiện số tiền của Quỹ tín dụng nhân dân T phải chi trả để đóng bảo hiểm cho ông T như các nhân viên còn lại. Bản thân ông T là Chủ tịch Hội đồng quản trị, trong khoảng thời gian dài từ năm 2013 đến năm 2022, mỗi tháng nhận lương ông đều có ký nhận trực tiếp, ông không có bất kỳ khiếu nại hay tranh chấp gì đối với số tiền lương đã nhận, từ đó chứng tỏ ông thống nhất với mức lương mà Quỹ tín dụng đã chi trả cho ông nên có cơ sở xác định mức lương ông T thực nhận là lương khoán gọn, đã bao gồm tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo khoản 3 Điều 168 Bộ luật Lao động như đại diện Quỹ tín dụng nhân dân T trình bày.

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, được chấp nhận.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí lao động: Căn cứ Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T được miễn án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

3. Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 02/2023/LĐ-ST ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

4. Căn cứ điểm b, điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 9 Điều 123 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 4; khoản 3 Điều 168 của Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 43 Luật Việc làm năm 2013; Điều 8 của Nghị định 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; khoản 1 Điều 42 Quyết định số 595 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

5. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu bị đơn Quỹ tín dụng nhân dân T chi trả trợ cấp thôi việc với số tiền là 162.000.000 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu đồng) và yêu cầu chi trả thêm cùng lúc với kỳ trả lương một khoản tiền tương đương với mức người sử dụng lao động đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động với số tiền là 273.385.820 đồng (hai trăm bảy mươi ba triệu ba trăm tám mươi lăm ngàn tám trăm hai mươi đồng).

6. Về án phí lao động phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T được miễn toàn bộ án phí lao động phúc thẩm.

7. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Thúy